

HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CỦA NGƯỜI HOA Ở MIỀN NAM VIỆT NAM DƯỚI THỜI VIỆT NAM CỘNG HÒA (1955 - 1975)

TRINH THỊ MAI LINH*

Ngay sau khi chính quyền Việt Nam Cộng hòa thành lập (ngày 26-10-1955), một trong những việc nội trị mà Ngô Đình Diệm quan tâm giải quyết đó chính là “vấn đề Hoa kiều”. Thi hành chính sách đối với người Hoa ở miền Nam Việt Nam, chính quyền Việt Nam Cộng hòa cho ban hành các văn bản luật liên quan đến vấn đề quốc tịch, kinh tế, tổ chức xã hội của người Hoa ở miền Nam Việt Nam. Trong đó, các biện pháp về kinh tế đối với người Hoa được chính quyền Việt Nam Cộng hòa thực hiện như một bước tất yếu nhằm đánh vào khối người Hoa còn do dự trong vấn đề nhập quốc tịch Việt Nam, mục đích của chính quyền Việt Nam Cộng hòa là phải giải quyết dứt khoát “vấn đề Hoa kiều” ở miền Nam Việt Nam.

1. Một số biện pháp quản lý người Hoa trong lĩnh vực kinh tế của chính quyền Việt Nam Cộng hòa (1955 - 1975)

Nhờ sự giúp đỡ của chính quyền thực dân Pháp và nhờ ở những tổ chức xã hội dưới nhiều hình thức chặt chẽ, cùng với óc kinh doanh và có vốn, thêm tính nhẫn nại, cần cù, người Hoa ở miền Nam Việt Nam đã chi phối toàn bộ nền kinh tế Việt Nam Cộng hòa, nhất là nắm các ngành có liên quan mật thiết đến đời sống hàng ngày của người dân. Dưới thời Pháp thuộc, nền kinh tế Việt Nam có một diện mạo: thực dân Pháp thống

trị, nắm mọi quyền hành về kinh tế; Hoa kiều là tầng lớp trung gian thương mại; còn người dân Việt bị bóc lột nặng nề.

1.1. Đối với các tổ chức kinh tế của người Hoa ở miền Nam Việt Nam

Các tổ chức kinh tế của người Hoa ở miền Nam Việt Nam là hình thức biểu hiện tổ chức xã hội của họ. Các đoàn thể thương mại phần lớn được tổ chức theo các tổ chức của người Việt Nam và phát triển rõ rệt từ sau khi chính quyền Sài Gòn được thành lập ở miền Nam Việt Nam, đó là:

Phòng thương mại người Hoa ở Nam kỳ

Phòng thương mại người Hoa ở Nam Kỳ được thành lập bởi các thương gia và kỹ nghệ gia người Hoa cư ngụ ở Nam kỳ, còn gọi là Phòng Thương mại Hoa Kiều (PTMHK). PTMHK được thành lập theo Nghị định số 3498-HCSV, ngày 29-11-1954 của Tòa đại biểu Chính phủ tại Nam Việt. PTMHK có mục đích bảo vệ các lợi ích tổng quát về thương mại, kỹ nghệ và tăng trưởng thịnh vượng và sung túc chung. PTMHK đặt trụ sở tại số 201-203, đường Phùng Hưng, trong một biệt thự rất đồ sộ. Hội gồm các thương gia, kỹ nghệ gia và Hội chuyên nghiệp chủ là Hoa kiều.

Phạm vi hoạt động của PTMHK gồm: bảo vệ lợi ích hợp pháp về thương mại và kỹ nghệ của người Hoa; phát triển những trao đổi với bên ngoài; làm trọng tài cho

*TS. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh

những bất hòa về thương mại của các thương gia người Hoa; tập hợp và xếp hạng tình hình thương mại và kỹ nghệ; thống kê về thương mại và kỹ nghệ có quan hệ đến thương mại và kỹ nghệ; phổ biến và chuyển những quy định pháp luật của những nhà chức trách địa phương và những quy định liên quan đến thương mại ở Trung Hoa và việc đem vào Trung Hoa tất cả các sản phẩm thương mại và kỹ nghệ; tạo ra một viện bảo tàng kinh tế, một thư viện, một trường thương mại và mọi cơ chế có thể đem thuận lợi cho việc phát triển và sự thịnh vượng của thương mại và kỹ nghệ, với điều kiện là trong những trường hợp đặc biệt, xin được phép của ủy viên Cộng hòa Pháp ở Nam Kỳ; hàng tháng báo cho Phủ ủy viên Cộng hòa Pháp tại Nam Kỳ những tin tức về tổng thể các hoạt động kinh tế của PTMHK (1). Bất cứ người Hoa nào ở Nam Kỳ, không phân biệt nam, nữ đủ 21 tuổi, hành nghề thương mại hay kỹ nghệ; có trụ sở cố định để khai thác nghề của mình, đều có thể được kết nạp vào PTMHK. Một công ty thương mại có thể được Giám đốc công ty làm đại diện với tư cách là hội viên của PTMHK. Tất cả hội viên đều có quyền bầu cử và ứng cử. Họ được hưởng tất cả đặc quyền do các quy chế PTMHK đem lại.

Việc giải tán PTMHK được đặt ra từ năm 1957 bởi Nha Trung Hoa Sự Vụ. Cơ quan này có liên lạc với Bộ Kinh tế, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ Việt Nam Cộng hòa và Tòa Đô chính Sài Gòn để tiến hành những việc có tính cách giải tán PTMHK: Đình chỉ cấp giấy phép cho Phòng thương mại Hoa kiều, triệu tập Đại hội để bầu Ban Quản trị mới kể từ năm 1957; Ban Quản trị cuối đã mãn nhiệm kỳ kể từ cuối năm 1956 và chỉ được tiếp tục xử lý thường vụ; Do Nghị định số 1039-BTC/TV ngày 2-8-1958, của Bộ Tài chính thì từ ngày 1-1-1959 số bách

phân phụ thu 15% thu trên thuế chính môn bài của các thương gia Hoa kiều tại Nam phần cho Phòng thương mại Hoa kiều bị bãi bỏ; Từ năm 1958 đến cuối năm 1961, các Hội chuyên nghiệp chủ nhân Hoa kiều (51 hội) lần lượt bị giải tán bởi Nghị định của Bộ Nội vụ (2).

Từ năm 1957, PTMHK coi như không còn hoạt động chính thức về mặt pháp lý, nhưng lúc đó chính quyền chưa giải tán PTMHK vì lý do phòng này còn có ích trong việc hỗ trợ cho Phòng thương mại Việt Nam mới ra đời. Trong lúc đợi các thương gia Hoa kiều đã nhập quốc tịch Việt Nam gia nhập Phòng thương mại Việt Nam thì chính quyền cho giải tán trước các hội chuyên nghiệp chủ nhân. Đến năm 1962, khi vấn đề quốc tịch của người Hoa ở miền Nam Việt Nam đã ổn định, các thương gia Hoa kiều phần lớn đã trở thành công dân Việt Nam, số thương gia Hoa kiều còn rất ít và chỉ được tạm trú ở Việt Nam. Phòng thương mại Việt Nam tại Sài Gòn đã phát triển và hoạt động mạnh mẽ. Ngày 2-2-1963, Tổng thống Việt Nam Cộng hòa chỉ thị: “Nha Trung Hoa Sự Vụ tiến hành giải thích khéo léo với các hội viên để họ tự động xin giải tán. Sau khi giải tán, việc thanh toán tài sản của Phòng thương mại Hoa kiều sẽ do Đại Hội đồng quyết định, hoặc do một người quản tài mà Tòa án sẽ đề cử theo yêu cầu của Công tố viện” (3). Như vậy, chính quyền Việt Nam Cộng hòa đã giải tán PTMHK bằng cách khuyến khích này tự giải tán.

Quỹ bù trừ Hoa kiều

Dưới thời Pháp thuộc, ở Việt Nam có 3 loại quỹ bù trừ: Quỹ bù trừ Pháp, Quỹ bù trừ Việt Nam, Quỹ bù trừ Hoa kiều. Quỹ bù trừ Hoa kiều được xúc tiến thành lập từ năm 1949 và đến tháng 2-1950 thì Quỹ bù trừ Hoa kiều được thành lập. Quỹ đã nhận sự đóng góp của các thành viên và chi trả

trợ cấp gia đình cho người làm công. Đến ngày 24-2-1954, Nghị định số 5-XL/NĐ thừa nhận Quỹ bù trừ Hoa kiều. Các cuộc hội họp của Quỹ bù trừ Hoa kiều đều diễn ra tại địa điểm Phòng thương mại Trung Hoa Chợ Lớn. Cuối năm 1961 với “chủ trương của Chính phủ là khuyến khích các Hoa kiều đã nhập quốc tịch Việt Nam phải lần lượt hòa mình vào đại gia đình Việt Nam để trở thành công dân Việt Nam hưởng mọi quyền lợi cũng như đảm nhận mọi trách vụ” (4). Nha Trung Hoa Sự vụ yêu cầu Tổng Thanh tra lao động và An ninh xã hội (Bộ Lao động) về việc giải tán Quỹ bù trừ Hoa kiều, vì quỹ này tồn tại dưới danh nghĩa một Hiệp hội Hoa kiều (thành phần gồm chủ nhân và công nhân Hoa kiều). Chính quyền Sài Gòn chủ trương chỉ còn một Quỹ bù trừ Việt Nam, thành phần gồm chủ nhân và công nhân có quốc tịch Việt Nam.

Như vậy, sau khi chính sách nhập Quốc tịch Việt Nam đối với người Hoa ở miền Nam Việt Nam dần ổn định, đa số thương gia người Hoa đã nhập quốc tịch Việt Nam, chính quyền Sài Gòn cho tiến hành giải tán các tổ chức kinh tế của người Hoa ở miền Nam Việt Nam nhằm hạn chế sự co cụm của người Hoa trên lĩnh vực kinh tế.

1.2. Đối với các hoạt động kinh tế của người Hoa ở miền Nam Việt Nam

Việc hạn chế quyền sở hữu bất động sản của người Hoa

Trong lĩnh vực hoạt động kinh tế của người Hoa ở miền Nam Việt Nam, chính quyền Sài Gòn chú ý giải quyết sớm việc hạn chế quyền mua bán bất động sản của người Hoa ở miền Nam Việt Nam. Dự số 26 ngày 20-4-1956, Điều thứ nhất quy định: “các việc chuyển nhượng sinh thời, hữu thường hay vô thường, cùng các việc cho mượn trong một thời hạn quá 10 năm cho một tư nhân hay pháp nhân có ngoại tịch,

bất luận được hưởng quy chế ưu đãi hay không, thực hiện với: các bất động sản hay các quyền thuộc về bất động sản, các xí nghiệp kỹ nghệ, công nghệ hay nông nghiệp; các sản nghiệp thương mại chịu một thuế môn bài lớn hơn 500 đồng; các tàu thủy và máy bay, các doanh nghiệp thuộc công sản, cấp với điều kiện hữu thường hay vô thường đều phải được Tổng thống cho phép trước” (5).

Sau khi Dự số 26 được ban hành, khi nhận các đơn xin mua bất động sản của người Hoa ở miền Nam Việt Nam, Bộ trưởng tại Phủ Tổng thống có ý kiến với Nha Trung Hoa Sự vụ: “nên thừa dịp này để giải quyết một phần nào vấn đề Hoa kiều sinh đẻ tại Việt Nam, phải khai đổi tên họ theo âm thanh Việt Nam và dựa vào các đơn xin ấy để thúc đẩy các Hoa kiều sanh đẻ tại Trung Hoa gắng khuyến nhủ các Hoa kiều sanh tại Việt Nam ra khai lấy tên họ Việt Nam” (6). Do vậy, tất cả những hồ sơ mua, thuê bất động sản của Hoa kiều đều được Bộ trưởng Bộ Tài chính trình Tổng Thư ký trước khi trình Tổng thống Việt Nam Cộng hòa ký duyệt. Tổng thư ký Phủ Tổng thống thường hỏi ý kiến của Nha Trung Hoa Sự vụ hoặc có khi cả Đô trưởng, Tỉnh trưởng, Thị trưởng để điều tra thêm về ý định nhập quốc tịch Việt Nam của người Hoa xin mua đất, việc điều chỉnh tình trạng lưu ngụ cho con của họ. Chính quyền Việt Nam Cộng hòa điều tra kỹ tất cả các yếu tố trên, nhằm nhanh chóng hợp thức hóa tình trạng quốc tịch cho những trường hợp người Hoa muốn mua bán bất động sản ở miền Nam Việt Nam.

Ở Sài Gòn-Chợ Lớn, tình trạng mua bán bất động sản diễn ra khá nhộn nhịp, việc thi hành Dự số 26 sẽ gây ra những trở ngại cho người Hoa tại đây, nên Đô trưởng có đề nghị với Bộ trưởng Tài chính để Bộ này đề trình lên Tổng thống miễn cho Đô thành

Sài Gòn-Chợ Lớn khỏi phải xin phép trước Tổng thống, nhưng Bộ Tài chính đã không đề nghị lên Tổng thống vì trái với tinh thần của Dự số 26. Ngoài ra, tại hai cuộc họp của Hội đồng Liên Bộ vào ngày 20-4-1956 và ngày 19-10-1959 đã đề ra thêm các biện pháp: “ấn định điều kiện pháp nhân phải có, nếu muốn được quốc tịch Việt Nam; khỏi phải xin phép Tổng thống trước khi thủ tiêu tặng dữ mà trong chứng thư tặng dữ có ghi điều kiện và khi chuộc lại mãi lai thực; kể rõ những nhân viên Chính phủ có thể thông đồng với đương sự để lập văn kiện thực hiện việc mua bán bất động sản” (7).

Thi hành Dự số 26, những hồ sơ xin mua đất của các tư nhân hay các Bang Hoa kiều không được chấp nhận ở vào các trường hợp sau: mua ở vị trí giao thông thuận lợi; Người đứng tên xin mua chưa nhập quốc tịch Việt Nam; người mua đã đứng tên một bất động sản. Các hồ sơ xin mua bất động sản từ tháng 5-1956 cho đến tháng 5-1958 gồm có 57 hồ sơ của người Hoa, nhưng chỉ có 4 hồ sơ được chấp thuận vì những người Hoa này đã nhập quốc tịch Việt Nam (8). Chính quyền Việt Nam Cộng hòa không cho phép bất cứ trường hợp người Hoa với tư cách ngoại kiều nào được quyền mua bán bất động sản ở miền Nam Việt Nam. Điều này cho thấy biện pháp hạn chế mua bán bất động sản của người Hoa ở miền Nam Việt Nam của chính quyền Việt Nam Cộng hòa không chỉ nhằm mục đích hạn chế việc đầu cơ bất động sản của người Hoa, mà còn nhằm vào việc “Việt tịch hóa” họ.

Việc cấm Hoa kiều làm 11 nghề ở miền Nam Việt Nam

Tổng thống Việt Nam Cộng hòa ban hành Dự số 53 ngày 5-6-1956 cấm ngoại kiều làm 11 nghề. Các nghề cấm gồm: Buôn bán cá và thịt; Buôn bán chạp phô; Buôn bán than, củi; Buôn bán dầu xăng, dầu lửa và dầu nhớt; Cầm đồ bình dân; Buôn bán

vải sô, tơ lụa; Buôn bán sắt, đồng thau vụn; Nhà máy xay lúa; Buôn bán ngũ cốc; Chỗ chuyên hàng hóa hay hành khách bằng xe hơi, tàu hay thuyền; Trung gian ăn huê hồng. Dự số 53 động chạm đến Hoa kiều trong cả 10 nghề; Pháp kiều trong 3 nghề; Ấn kiều: 1 nghề. Số ngoại kiều làm 11 nghề Dự số 53 cấm là 9.127 người, chiếm tỷ lệ 21,90% (9). Có thể nói, người Hoa ở miền Nam Việt Nam đang hoang mang về Dự số 48 ngày 21- 8-1956 (chính sách nhập quốc tịch Việt Nam đối với người Hoa), thì chính quyền Việt Nam Cộng hòa lại công bố tiếp thêm Dự số 53 ngày 6-9-1956, khiến cho các giới người Hoa càng thêm xôn xao và phản ứng. Theo Phát ngôn viên của Sứ quán Đài Loan tại Sài Gòn với báo United Press: “Tôi có thể nói tin trên làm cho người Hoa bị sốc và kinh ngạc” (10). Theo chính quyền Sài Gòn, mục đích của Dự số 53 là: “Bảo vệ nền thương mại nông cốt quốc gia (ăn, mặc, chuyên chở), không để ngoại kiều chi phối thị trường về những vật phẩm và những dịch vụ cần thiết cho đời sống hằng ngày của đại chúng; Dành cho thương gia Việt Nam nhiệm vụ phân phối những phẩm vật cần thiết nói trên; Giải quyết phần nào vấn đề thất nghiệp; Hướng dẫn tư sản ngoại kiều hiện đang dùng vào việc thương mại để đem vào kinh doanh công kỹ nghệ, cần được thiết lập trên lãnh thổ nước nhà” (11).

Đối với nghề buôn bán cá và thịt, chính quyền Sài Gòn cấm mua bán gà, vịt, heo, bò, trâu, súc vật rừng hay chăn nuôi sống về làm thịt. Chính quyền cấm làm đồ tể, làm hàng thịt (sỉ và lẻ), nhưng được phép buôn bán heo, gà, vịt quay hay nướng, thịt khô, jambon (tức là thịt đã chín và thành món ăn). Các tiệm ăn, các hàng bán những thức ăn đã nấu nướng vẫn được hoạt động; Đối với nghề buôn bán chạp phô, chính quyền Việt Nam Cộng hòa cấm ngoại kiều

bán các vật phẩm hàng ngày: gạo, nước mắm, than củi, dầu lửa, đường, muối, tương chao, củ hành, tỏi, xà bông, đèn, đèn cây..., nhưng không cấm các tiệm chạp phô bán đồ ăn uống Âu Mỹ (đồ hộp); Đối với nghề buôn bán than củi, chính quyền Việt Nam Cộng hòa không cấm những nhà sản xuất than, củi đã đóng môn bài từ năm 1956; Đối với nghề buôn bán dầu xăng, dầu lửa và dầu nhớt, chính quyền Việt Nam Cộng hòa không cấm các hãng nhập cảng xăng dầu, dầu lửa, dầu nhớt; các xưởng xe hơi ngoại kiều, đến ngày ban hành Dự số 53 có cây xăng để bán, nhớt lẻ; Đối với nghề buôn bán vải sô, tơ lụa, chỉ sợi, chính quyền Việt Nam Cộng hòa cấm người Hoa không được bán dưới 10.000m, trên 10.000m vẫn tiếp tục bán như bình thường; Đối với nghề buôn bán sắt, đồng thau vụn (đồ ve chai), chính quyền Việt Nam Cộng hòa cấm cả ngoại kiều đi mua vật những thứ này, không cấm những tiệm lặt son, những tiệm bán đồ sắt tốt, kim khí nguyên vẹn nhập cảng; Đối với nghề buôn bán ngũ cốc gồm có lúa, gạo, tấm, cám, bắp, nếp, các thứ đậu mè. Chính quyền Việt Nam Cộng hòa không cấm các nghề xuất cảng lúa gạo, bắp đậu đã đóng thuế môn bài năm 1956 đến ngày Dự số 53 được ban hành.

Đối với nghề chuyên chở hàng hóa, hành khách bằng xe hơi tàu hay thuyền thì ngoại kiều không được làm chủ cho mướn hay tự khai thác như làm tài xế hay tài công. Các khoản này chỉ áp dụng cho sự chở chuyên vận tải hay giòng ghe trong địa phận hay giang phận Việt Nam Cộng hòa. Chính quyền Việt Nam Cộng hòa không cấm nghề chở hàng trong các hải cảng Sài Gòn và Đà Nẵng, những hãng ngoại kiều nhập cảng dầu xăng, dầu lửa và dầu nhớt chuyên chở những hàng này bằng xe, tàu, ghe của họ; Đối với nghề trung gian ăn hoa hồng gồm những ngoại kiều làm nghề đưa đón, mách

mối, giới thiệu kẻ mua với người bán bất cứ là về động sản hay hóa phẩm, vật liệu không phải bỏ vốn buôn mà được hưởng huê hồng, hạng trung gian này làm cho giá cả thêm đắt đỏ. Chính quyền Việt Nam Cộng hòa không cấm những nghề đã đóng môn bài và nghề được ngành thương mại phân định rõ ràng như: môi giới về hàng hải, môi giới bảo hiểm, mại bản nộp thuế quan.

Thời hạn phải ngưng 11 nghề bị cấm, theo Điều thứ 2, Dự số 53 quy định: Sáu tháng kể từ ngày ban hành Dự số 53 cho bảy nghề sau: buôn bán cá và thịt; buôn bán chạp phô (tạp hóa), buôn bán sắt, đồng thau vụn; buôn bán xăng, dầu lửa và dầu nhớt; cầm đồ bình dân; buôn bán vải sô, tơ lụa; buôn bán than. Bảy nghề trên phải ngưng kể từ ngày 30-4-1957. Sau đó, bảy nghề được chính phủ gia hạn thêm một tháng. Còn bốn nghề: nhà máy xay lúa; bán ngũ cốc; chuyên chở hàng hóa; trung gian ăn hoa hồng, có thời hạn là 1 năm từ ngày ban hành Dự số 53.

Xét thấy: Về phương diện chính trị, sự cấm đoán này sẽ gây ra những hậu quả không tốt với Đài Loan; ngay ở trong nước, việc bất mãn của người Hoa đối với chính quyền Việt Nam Cộng hòa khiến họ ủng hộ Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam và Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Về phương diện kinh tế, đối với chính quyền Sài Gòn, việc hạn chế và cấm người Hoa làm một số nghề là một vấn đề cần được giải quyết cấp bách, để tránh sự đầu cơ, tích trữ, làm tăng giá sinh hoạt, giành chủ quyền về kinh tế từ tay ngoại kiều, nhất là Hoa kiều; Về phương diện pháp lý, biện pháp cấm một số nghề đối với ngoại kiều là vấn đề quy định thân phận ngoại kiều thuộc về thẩm quyền của chính phủ Việt Nam Cộng hòa. Tuy nhiên, việc chính quyền Việt Nam Cộng hòa cấm Hoa kiều

làm một số nghề còn nhằm thúc đẩy nhanh quá trình nhập quốc tịch của người Hoa.

Các biện pháp trên không chỉ nhằm mục đích giành độc lập về kinh tế từ người Hoa mà còn nhằm mục tiêu chính trị là *Việt tịch hóa người Hoa* ở miền Nam Việt Nam. Nhận xét về chính sách này, tờ *Japan Times* cho rằng: “Luật mới của Saigon nhằm đánh vào giới doanh nhân ngoại quốc” (12). Tuy nhiên, thực chất của vấn đề như hãng U.P (Saigon) ngày 6-9-1956 nhận định: “Tổng thống Ngô Đình Diệm đã ký một sắc luật cấm doanh gia ngoại quốc hành nghề trong một số lãnh vực. Biện pháp chủ yếu nhắm vào người Hoa vì họ tỏ ra chậm chạp trong việc nhập Việt tịch” (13).

Sau khi Chính quyền Ngô Đình Diệm sụp đổ (11-1963), chính sách về người Hoa của chính quyền này cũng bị lãng quên. Các Chính phủ tiếp sau chỉ chú trọng đến lĩnh vực chính trị và quân sự mà lơ là các vấn đề kinh tế, nhất là sự lớn mạnh trở lại của khối kinh tế do người Hoa làm chủ. Dưới thời Việt Nam Cộng hòa giai đoạn 1955-1963, chính quyền này đã phải đối phó một cách khẩn trương với “vấn đề người Hoa”, các biện pháp của giai đoạn này chủ yếu tập trung ở hai vấn đề: hạn chế quyền sở hữu bất động sản của người Hoa và cấm Hoa kiều hoạt động 11 nghề trên toàn lãnh thổ miền Nam Việt Nam. Sang giai đoạn 1963-1975, vấn đề được hâm nóng trở lại, khi chỉ với một phần mười dân số, cộng đồng người Hoa nắm ba phần tư số tư bản ở miền Nam Việt Nam.

Để bắt tay vào việc hạn chế ảnh hưởng của khối kinh tế người Hoa đã nhập quốc tịch Việt Nam, từ năm 1966, theo *Thông cáo số 15-BKT/VP/TUA* ngày 18-6-1966 của chính quyền Việt Nam Cộng hòa, người Hoa phải có quốc tịch Việt Nam 15 năm trở lên mới được mở đại công ty. Trong từng hoạt động kinh tế mà người Hoa có ưu thế,

chính quyền Việt Nam Cộng hòa cho thi hành những biện pháp cụ thể như sau: Đối với hoạt động bảo hiểm: Quy chế hoạt động bảo hiểm được ấn định bởi Sắc luật số 15/65 ngày 17-9-1965. Hội đồng tư vấn bảo hiểm thảo luận hai lần: Lần thứ nhất, Hội đồng tư vấn bảo hiểm ngày 20-10-1969 có quyết định 15% vốn ngoại tệ đầu tư bằng ngoại tệ và không phân biệt giữa người Việt và người Hoa mới nhập quốc tịch về hoạt động bảo hiểm; Lần thứ hai, ngày 22-1-1970, ngược lại, Hội đồng tư vấn bảo hiểm đề nghị Bộ Tài chính ra thông cáo rằng, trong tương lai, tỷ lệ vốn tối đa của người Hoa là 30%, phần còn lại phải là của người Việt Nam có quốc tịch Việt Nam nguyên thủy (14). Đến thời điểm này, chính quyền Việt Nam Cộng hòa chỉ có luật hạn chế ngoại kiều trong việc mua bán bất động sản và một điều chắc chắn rằng chính phủ chỉ hạn chế được quyền tham dự của người Hoa vào các công ty bảo hiểm trong buổi ban đầu, khi các công ty ở vào giai đoạn thành lập. Vì sự chuyển nhượng các cổ phần trong các công ty này là rất dễ dàng, nên các công ty sau khi được cấp giấy phép hoạt động, các cổ đông có thể chuyển nhượng cổ phần cho người khác và như vậy chính phủ Việt Nam Cộng hòa không thể ngăn cản được vốn trong các công ty bảo hiểm đa số là của người Hoa.

Đối với hoạt động ngân hàng: chính quyền Việt Nam Cộng hòa quy định người Hoa đã nhập quốc tịch muốn xin thành lập một ngân hàng phải có ít nhất 70% vốn của các cổ đông có quốc tịch Việt Nam; Đối với hoạt động nhập cảng: Bộ Kinh tế Việt Nam Cộng hòa ấn định vốn các công ty theo tỷ lệ: 30% vốn “Việt gốc Hoa” và 70% vốn Việt Nam; nên giữa năm 1966, muốn được cấp giấy phép nhập cảng, công ty phải có ít nhất 70% cổ đông là người có quốc tịch Việt Nam trên 15 năm (15).

Vấn đề về sự lớn mạnh của các công ty do người Hoa làm chủ đã được hâm nóng trở lại vào đầu những năm 1966, nhưng chính quyền Việt Nam Cộng hòa giai đoạn này không đưa ra được những biện pháp đồng bộ, mang tính liên đới như ở giai đoạn trước. Điểm khác biệt giữa các biện pháp kinh tế đối với người Hoa ở giai đoạn này với giai đoạn trước là tầm quan trọng và cấp bách của vấn đề. Nếu như ở giai đoạn trước, các biện pháp kinh tế đối với người Hoa nhằm hỗ trợ cho chính sách quốc tịch thì giai đoạn này vấn đề không còn quan trọng. Vì thế, chính quyền Việt Nam Cộng hòa giai đoạn 1963-1975 lơ là đối với các biện pháp về kinh tế đối với người Hoa ở miền Nam Việt Nam và đây chính là cơ hội để người Hoa dù trong hoàn cảnh nào cũng tìm kiếm được những bước đi thích hợp để duy trì vị trí và vai trò của mình đối với nền kinh tế Việt Nam Cộng hòa.

2. Hoạt động kinh tế của người Hoa ở miền Nam Việt Nam giai đoạn 1955 - 1975

2.1. Hoạt động thương mại

Hoạt động thương mại của người Hoa ở miền Nam Việt Nam giai đoạn này tập trung ở việc thi hành Dự số 53 ngày 6-9-1956. Để điều hòa nền kinh tế Việt Nam Cộng hòa, Bộ Kinh tế yêu cầu các Đô trưởng, Tỉnh trưởng, Thị trưởng “phải làm thế nào cho sự mậu dịch được liên tục điều hòa. Những ngành nào xét có thể buộc ngoại kiều ngưng hoạt động, thì Quý vị ra lệnh ngay, không do dự” (16).

Với Dự số 53, người Hoa bán thịt heo sẽ thất nghiệp, vì ở miền Nam Việt Nam gần như họ nắm độc quyền nghề này. Hạn chót giới bán thịt phải ngưng việc là ngày 6-3-1957. Theo thống kê của Báo *Tự Do* ngày 15-4-1957, ở 22 chợ của Đô thành Sài Gòn-Chợ Lớn có khoảng 550 thớt thịt, số người nhờ vào đó sinh sống lên đến 3.000 đến 4.000 người, với việc cha truyền con nối.

Giá trị mỗi thớt thịt và dụng cụ cũng từ 4.000 đồng đến 5.000 đồng. Các tiệm bán thịt của Hoa kiều được tiến hành rút thăm để người Việt ra thay thế, có 700 đơn xin rút thăm (17). Ban đầu, người Hoa bán thịt heo thà thất nghiệp chứ không chịu nhập quốc tịch Việt Nam để tiếp tục hành nghề. Trường hợp này được ghi nhận trong giới người Hoa bán thịt ở Biên Hòa. Khi được chủ tịch Thị xã Biên Hòa mời đến công sở của thị xã để trao đổi về việc phải ngưng nghề bán thịt. Chính quyền ở đây đã phát cho họ một văn bản in sẵn gồm 3 khoản: Đồng ý nhập quốc tịch Việt Nam để tiếp tục hành nghề; Sang môn bài cho vợ, con là người Việt, nếu là vợ thì phải có hôn thú chính thức; Đồng ý chấm dứt hành nghề vào ngày 6-4-1957. Họ chỉ được chọn một trong ba biện pháp trên và ký tên vào giấy (18). Người Hoa ở Biên Hòa cho rằng, vấn đề quốc tịch của họ vẫn còn được chính phủ của họ (Đài Loan) giao thiệp với chính phủ Việt Nam Cộng hòa, vấn đề chưa ngã ngũ, nên họ đều chờ đợi kết quả cuối cùng của sự giao thiệp ấy. Vì thế, họ không thể chuyển tịch, còn vợ thì lại không có hôn thú chính thức, nên cuối cùng người Hoa bán thịt ở chợ Biên Hòa phải chọn lựa đóng cửa tiệm. Để người Hoa ở đây phải thi hành nghiêm những gì đã lựa chọn, chính quyền ở Biên Hòa còn yêu cầu các bang trưởng ở đây phải có nhiệm vụ nhắc nhở và kiểm soát giới bán thịt thực hiện theo lệnh. Điều này cho thấy, người Hoa ở Biên Hòa quan tâm đến vấn đề quốc tịch nhiều hơn là vấn đề hành nghề.

Người Hoa thuộc giới buôn bán chạp phô chịu ảnh hưởng sâu rộng nhất từ Dự số 53. Có khoảng 99% số người Hoa hoạt động trong lĩnh vực này. Theo thống kê của Công Sứ quán Đài Loan, ở Sài Gòn - Chợ Lớn có khoảng 900 tiệm và 50.000 người Hoa buôn bán chạp phô, ở các tỉnh có từ 3.000 đến

4.000 tiệm. Thi hành Dự số 53 ở Sài Gòn - Chợ Lớn: “Trong các chợ, có 331 hàng chạp phô của người Hoa kiều và 185 hàng của người Việt Nam. Hiện nay trong các chợ có 281 hàng chạp phô của người Việt Nam còn các hàng ngày trước do Hoa kiều đứng bán thì biến mất hẳn” (19). Một số tiệm chạp phô của người Hoa chuyển sang bán rau cải, đậu khô hay những sản phẩm đồ hộp. Cuối năm 1957, trong buổi hội kiến với các thương gia người Hoa đã nhập quốc tịch Việt Nam, Đỗ Kham, chủ tiệm chạp phô hiệu Đỗ Tái Sanh, số 9 đường Trịnh Hoài Đức, Chợ Lớn cho biết: tiệm lúc này bán chưa được khá, trung bình mỗi ngày bán được từ 20.000 đồng đến 40.000 đồng. Cách đây 2 năm, mỗi ngày bán được từ 100 đồng đến 200.000 đồng (20). Còn ở các tỉnh, tình hình của giới buôn bán chạp phô còn bi đát hơn. Đa số tiệm của họ ở xa chợ, xa Đô thành, khách hàng của họ thường là những người lao động nghèo trong các xóm nhỏ, họ thuộc hạng ít vốn, họ chỉ để vợ hoặc con đứng bán để kiếm chút lời nuôi sống gia đình, phần lớn không đủ vốn để xoay qua nghề khác, nên đành đóng cửa tiệm. Thi hành Dự số 53, các hàng chạp phô của người Hoa kiều đã đóng cửa hết, nhưng số của hàng chạp phô của người Việt cũng chưa tăng được bao nhiêu. Nguyên nhân là vì muốn mở được cửa hàng chạp phô phải có một số vốn khá lớn và có một cửa tiệm mà thường thì cũng không phải dễ tìm.

Giới mua bán vải, tơ lụa: chính quyền Sài Gòn chỉ cấm họ bán dưới 10.000m, nên cửa tiệm của người Hoa buôn bán nghề này vẫn tiếp tục hoạt động. Các chủ tiệm bán vải ở chợ Bình Tây đa số nhập quốc tịch để tiếp tục kinh doanh; Giới mua bán sắt, đồng thau vụn: theo thống kê của Nha Trung Hoa Sự vụ, số ngoại kiều làm nghề này trên toàn miền Nam Việt Nam là 269

người, chiếm tỷ lệ 55% so với người Việt hoạt động cùng nghề (21). Đây là tỷ lệ ngoại kiều chiếm tỷ lệ lớn nhất. Tiệm của họ đã có từ lâu, họ dự định mua bán bền bỉ nên đã mua vào rất nhiều máy móc đồng thau vụn cũ và họ không thể bán kịp những thứ ấy trong thời gian như Dự số 53 quy định. Những mặt hàng đó phải mất từ 3 đến 10 năm mới bán hết, nếu bán gấp họ phải chịu lỗ vốn.

Hoạt động bán lẻ của người Hoa: Những tiệm bán lẻ của người Hoa không hoạt động riêng rẽ, họ liên kết chặt chẽ với nhau thành một khối và tôn trọng tuyệt đối những chính sách bảo tồn kho và giá cả của cộng đồng. Họ chỉ phân phối hàng hóa của người đồng hương, nghĩa là người Hoa không bao giờ bán hàng của người Việt, nếu có hàng tương tự của người đồng hương họ sản xuất. Do đó, sản phẩm Trung Hoa được phân phối dễ dàng và khi cần làm giá, sản phẩm Trung Hoa đột nhiên biến mất trên thị trường, tạo ra sự khan hiếm. Dựa trên số tư bản trong ngành bán lẻ, người Hoa làm chủ khoảng 50%.

Hoạt động buôn sỉ của người Hoa: Các nhà buôn sỉ tập trung ở Sài Gòn-Chợ Lớn, họ là những đại lý độc quyền tổng phát hành cho các cơ sở sản xuất kỹ nghệ của người Hoa và các cơ sở ngoại quốc khác. Ở các tỉnh, do người Hoa không tập trung đông, nên họ có khuynh hướng tập trung tư bản vào các tiệm buôn sỉ nhiều hơn, để giữ ảnh hưởng lan rộng qua hệ thống bán lẻ. Do các nhà buôn sỉ của người Hoa ở các tỉnh cũng là người bán lẻ và ở thôn quê các nhà buôn sỉ lại cũng là những cơ sở thu mua lúa, gạo. Chủ tiệm buôn sỉ nhiều khi là chủ chành lúa hoặc đứng tên cho một thương gia người Hoa. Họ có nhiều vốn, có nhiều nghiệp vụ đa năng, lại có sự liên kết chặt chẽ nên tạo ra một mạng lưới phân phối hữu hiệu nhất.

2.2. Hoạt động kỹ nghệ

Kỹ nghệ xay sát lúa gạo: Người Hoa thuộc giới nhà máy xay lúa là đại phú thương, họ cho rằng nghề này có nhiều vốn và kinh nghiệm mới làm được. Nền kinh tế Việt Nam Cộng hòa sẽ bị ngưng trệ và trong một thời gian ngắn, người Việt thiếu vốn và kinh nghiệm khó mà thay thế họ được trong nghề này. Có 108 ngoại kiều làm nghề này ở khắp các tỉnh, thành miền Nam Việt Nam, chiếm tỷ lệ 12% so với người Việt, nhưng thực ra họ lại là nhóm gây ảnh hưởng đến ngành gạo nhất. Dù rằng, có đến 765 người Việt làm nghề này, nhưng đa phần chỉ xay thuê, không thu mua để xay như người Hoa (22). Chính quyền Việt Nam Cộng hòa đặc biệt lưu tâm đến việc mua bán, chuyên chở và xay lúa ra gạo của người Hoa ở miền Nam Việt Nam. Chính quyền cấm ngoại kiều không được mua bán và tồn trữ các nông sản phẩm thuộc loại ngũ cốc. Mặc dù, giới nhà máy xay lúa đã tuân thủ thời hạn ngừng hoạt động nghề này, nhưng người Việt ra tranh thương với họ trong nghề này gặp phải sự khó khăn vì thiếu vốn, thiếu tổ chức và kém kinh nghiệm nên người Hoa vẫn còn giữ vai trò quan trọng. Thông qua hội, các nhà buôn mề cốc người Hoa có thể thông tin về tình hình sản xuất và kinh doanh, ấn định chính sách phân phối và giá cả, đưa ra những biện pháp đối phó với các xí nghiệp cạnh tranh không phải của người Hoa. Các nhà máy xay lúa này có một số vốn lớn, phục vụ cho hoạt động thu mua và phân phối lúa gạo trên toàn quốc. Tất cả vấn đề gạo của Việt Nam Cộng hòa vẫn do các thương gia người Hoa kiểm soát, chi phối.

Theo thống kê năm 1970, số nhà máy xay lúa của người Hoa mới nhập quốc tịch ở miền Nam Việt Nam là 352, chiếm tỷ lệ 24,9%. Riêng tại Sài Gòn - Chợ Lớn người Hoa có tất cả 11 nhà máy xay lúa trong

tổng số 17 nhà máy, chiếm tỷ lệ 64,5% và 11 nhà máy xay này đều đóng ở Chợ Lớn (23). Ngoài số vốn riêng, người Hoa ở miền Nam Việt Nam còn được chính quyền Sài Gòn hỗ trợ bằng cách thu mua và điều hòa lúa gạo của Bộ Kinh tế và Tổng cục thực phẩm (Tổng cục tiếp tế) bằng những số vốn lớn để khuyến khích họ thu mua lúa bán cho chính quyền Việt Nam Cộng hòa. Họ triệt để khai thác số lợi này, dùng số tiền vay được với lãi suất thấp cho nông dân Việt vay lại với lãi cao. Bên cạnh đó họ còn được thưởng khoản tiền thưởng, khoản tiền trợ cấp qua những dịch vụ cung cấp lúa gạo đúng kỳ và qua dịch vụ xuất cảng hoặc nhập cảng gạo ngoại quốc.

Kỹ nghệ chế biến nước giải khát: Trong ngành nước giải khát ở miền Nam Việt Nam, có 2 công ty của Pháp (BGI, hãng rượu Bình Tây) và 2 công ty của người Hoa (Phương Toàn và Merry Realm). Mặc dù còn chiếm một tỷ lệ khiêm nhường về số tư bản đầu tư so với 2 công ty của Pháp, nhưng số tiền thu được từ sản phẩm bán ra của 2 Công ty này không hề thua kém. Ví dụ, Công ty rượu Bình Tây của Pháp đầu tư số tư bản 417,2 triệu đồng, sản phẩm bán ra năm 1967 thu về được 376,7 triệu đồng (24). Trong khi đó, với tổng số đầu tư của Công ty Phương Toàn chỉ có 28,1 triệu đồng, nhưng sản phẩm bán ra năm 1967 thu về được 129,2 triệu đồng. Ngoài ra, Công ty Phương Toàn vừa sản xuất, vừa có mạng lưới phân phối rất rộng, có đồn điền cao su ở Buôn Ma Thuột. Công ty Phương Toàn phân phối 50% cả phê sống ở miền Nam Việt Nam. Do được miễn thuế lợi tức, nên so với hai công ty của Pháp, số thuế hai Công ty Phương Toàn và Merry Realm đóng cho chính phủ chiếm một tỷ lệ rất nhỏ (25).

Kỹ nghệ chế biến bột ngọt: Đây là ngành kỹ nghệ mà người Hoa nắm độc quyền sản xuất. Trước năm 1963, Việt Nam Cộng hòa

nhập cảng bột ngọt từ Nhật, chủ yếu là từ Công ty Ajinomoto. Từ tháng 5-1963, Công ty Thái Sơn bắt đầu sản xuất bột ngọt thì chính phủ cấm nhập cảng bột ngọt; Công ty Vifoinco hoạt động từ ngày 12-4-1966, chủ đầu tư là người Hoa, có số vốn đầu tư khoảng 200 triệu đồng, sử dụng 253 công nhân người Hoa, năng suất là 65 tấn bột ngọt mỗi tháng; Các công ty này đều sản xuất được acide glutamique là nguyên liệu căn bản của bột ngọt. Tổng số tư bản của 3 công ty bột ngọt của người Hoa là 255,5 triệu đồng (26). Chiếm gần 50% tổng số tư bản kinh doanh kỹ nghệ bột ngọt ở miền Nam Việt Nam. Cùng với kỹ nghệ chế tạo bột ngọt, người Hoa còn hoạt động trong ngành sản xuất nước tương, tàu vị yếu, hoạt động có tính cách tiểu công nghệ gia đình, không khai báo.

Kỹ nghệ sản xuất thực phẩm đóng hộp: Ngành này có 3 công ty của người Hoa: Công ty Mỹ Châu, bắt đầu hoạt động từ ngày 10-10-1959, có vốn đầu tư khoảng 30.000 triệu đồng, sử dụng 45 công nhân và 2 đốc công. Trong năm 1969 sản xuất 1.951.584 hộp đủ loại và dự trù sẽ tăng gấp đôi năng suất vào các năm sau; Công ty Vĩnh Ký hoạt động từ ngày 1-6-1959, vốn đầu tư là 30.000 đồng, sử dụng 163 công nhân, 2 đốc công, đa số là người Hoa, sản xuất 1.355.321 hộp trong năm 1969 và cũng dự trù tăng năng xuất gấp đôi vào năm sau để cung ứng cho nhu cầu quân đội. Công ty Á Châu, tái hoạt động từ năm 1968, sử dụng 30 công nhân và 1 thợ chuyên môn. Trong năm 1969, công ty này sản xuất được 260.670 hộp và dự trù năm 1970 sản xuất 1.650.000 hộp (27).

Kỹ nghệ dệt: Đây là nhóm kỹ nghệ mà người Hoa hoạt động nhiều nhất. Các công ty lớn của kỹ nghệ này là: Công ty Vimytex, Vinatexco, Vinatexfinco. Nếu kể cả các xí nghiệp hoạt động có tính cách gia đình thì có hơn 1.000 xưởng dệt thuộc loại này tại

Chợ Lớn, mỗi xưởng có từ 2 đến 10 khung dệt (28). Trong đó, Công ty Vinatexco độc quyền nhập và phân phối chỉ sợi ở miền Nam Việt Nam. Các hình thức tiểu xí nghiệp này rất phổ biến, hoạt động một cách bán chính thức, không khai báo, không có môn bài và không có cửa hiệu. Nhờ lối hoạt động này, mà nhóm người Hoa hoạt động kỹ nghệ dệt tránh được thuế nặng dành cho một đại xí nghiệp vì được ngụ trang dưới hình thức gia đình. Phần lớn các kỹ nghệ gia chi phối ngành dệt đều là người Hoa nên đa số công nhân đều là người Hoa. Các tiểu xí nghiệp này lại được sự hỗ trợ từ ngân hàng. Theo các cơ quan tín dụng thì các kỹ nghệ gia người Việt không đủ tư bản để đảm bảo số trái phiếu đối với cơ quan nên được cấp ít tín dụng hơn đối với kỹ nghệ gia người Hoa. Các sản phẩm ngành dệt và tơ sợi: khăn lông, áo thun, lưới cá, chỉ cuộn, bắc đèn, quần áo may sẵn, nón mũ đều do khoảng 25 cơ sở sản xuất có hình thức công ty và trên 300 xí nghiệp gia đình người Hoa sản xuất.

Kỹ nghệ nhựa: Người Hoa ở miền Nam Việt Nam hoạt động ngành này dưới hình thức gia đình. Máy móc được phân tán ra cho rất nhiều gia đình và mỗi gia đình chỉ có một máy sản xuất một phần nhỏ của sản phẩm, rồi sau đó được tập trung lại để hoàn thành toàn bộ sản phẩm. Sự tập trung này được ngụ trang dưới hình thức một lái buôn, nên họ chỉ phải đóng thuế cho chính quyền về cửa hiệu buôn bán của họ. Các sản phẩm của ngành nhựa gồm: sản phẩm plastic, tôn plastic, sợi nylon. Tổng số tư bản đầu tư của 4 công ty chế tạo plastic của người Hoa là 316 triệu đồng (29).

Kỹ nghệ kim khí và cơ khí: Kỹ nghệ kim khí và cơ khí là ngành sở trường của người Hoa. Thông thường các cơ sở của người Hoa trong ngành này không có bảng hiệu và hoạt động ở các hẻm sâu. Tuy nhiên, các cơ

sở này không hoạt động riêng rẽ mà nằm trong hệ thống một đại công ty ẩn danh, phân tán mỏng ra để tránh thuế. Trong kỹ nghệ luyện kim, người Hoa làm chủ các công ty: Công ty Tân Việt, Công ty Trí Độ, Công ty Thành Mỹ Kỹ nghệ, Công ty Vicasa, Công ty Đông Á.

2.3. Hoạt động chuyên chở - xuất nhập cảng, tài chính - ngân hàng

Hoạt động chuyên chở - xuất nhập cảng

Phần lớn những chuyến tàu đi Singapore, Hong Kong từ Việt Nam Cộng hòa đều là của những công ty do người Hoa hoặc người ngoại quốc làm chủ. Các chuyến tàu chở hàng nội địa từ Sài Gòn đi Nha Trang, Đà Nẵng, Rạch Giá, Phú Quốc, Qui Nhơn hầu hết là của người Hoa. Khi chính quyền Sài Gòn ban hành Dự số 53, những người Hoa hoạt động trong ngành này đã phản đối. Ngay lập tức, hàng hóa nhập cảng ứ đọng tại thương cảng Sài Gòn, Đô thành thiếu thực phẩm, trong khi các tỉnh miền Tây lại dư thừa nhưng không thể tiếp tế được.

Thời gian mà Dự số 53 quy định cho nghề này là không đủ để họ tiến hành bán xe, tàu ghe cho khỏi lỗ. Người Hoa buộc phải ngưng hoạt động chuyên chở hàng hóa bằng xe hơi, tàu và thuyền sau ngày 6-9-1957, tức là sau khi ban hành Dự số 53 một năm. Các hãng này phải áp dụng biện pháp nhượng tàu lại cho người Việt, hoặc thành lập một công ty hỗn hợp Việt-Ngoại kiều. Sau đó, Bộ Kinh tế phải cho phép các hãng này tiếp tục được đứng chủ và thuê các tàu cho đến hết ngày 31-12-1957, để các hãng này có thời gian thu xếp cho hợp với tinh thần của Dự số 53.

Theo thống kê năm 1971, trong số 966 nhà nhập cảng tại miền Nam Việt Nam có 815 là của người Hoa mới nhập quốc tịch. Ngoại trừ vài ngành như Ấu dược và tơ sợi, hầu hết các ngành nhập cảng đều do người Hoa chiếm ưu thế. Họ giữ độc quyền thực tế trong việc cung cấp nguyên liệu cho các cơ sở

kỹ nghệ và cung cấp tiêu dụng sản phẩm nhập cảng cho giới tiêu thụ miền Nam Việt Nam. Hoạt động xuất nhập cảng của người Hoa góp phần hỗ trợ cho hoạt động thu mua của họ. Họ nhập cảng và phân phối phân bón, thuốc trừ sâu trong ngành nông nghiệp. Chính sự đầu cơ, làm giá trong các sản phẩm trên đẩy nông dân Việt vào chỗ bấp bênh, nản lòng, làm hao hụt chi tiêu của từng gia đình và làm thiệt hại đến ngân sách quốc gia Việt Nam Cộng hòa vì phải nhập cảng bù đắp số sản xuất thiếu và tài trợ cho các nghiệp vụ nhập cảng này.

Hoạt động tài chính ngân hàng

Từ năm 1874 đến năm 1954, ở Việt Nam có 8 ngân hàng: Việt Nam (1), Pháp (2), Anh (2) và Trung Hoa (3): The Bank of East Asia (1921), Bank of China (1946) có một chi nhánh và Bank of Communications (1947) có 1 chi nhánh.

Trong tổng số 31 ngân hàng ở miền Nam Việt Nam, chỉ có 3 ngân hàng là của ngoại kiều Trung Hoa, nhưng trong số những ngân hàng Việt Nam có 7 ngân hàng có vốn của người Hoa. Đó là: Nam Đô, Đông Phương, Viễn Đông, Đồng Nai, Nam Hải, Sài Gòn tín dụng và Đại Nam. Mười ngân hàng này chỉ thu hút 1/6 tổng số ký thác và cho vay khoảng 1/6 số tín dụng thương mại. Chính nhờ hệ thống ngân hàng này, người Hoa được hưởng đa số tín dụng cấp phát bởi hệ thống ngân hàng của người Hoa. Người Hoa vay được 80% tổng số tín dụng thương mại cấp phát trong nước. Trong lĩnh vực tín dụng phát triển (trung và dài hạn), người Hoa cũng được hưởng gần 60% tổng số tín dụng cấp phát.

Đầu năm 1957, trong khi người Việt đang cần tiền để tham gia vào hoạt động thương mại, thì các ngân hàng của người Hoa đã cho dừng việc cung cấp tiền trong các ngân hàng của họ. Điều này, đã buộc chính quyền Việt Nam Cộng hòa phải mở một khoản tín dụng dành riêng cho các tiểu

thương người Việt vay. Trong thực tế, các nhà nhập cảng Việt đều thiếu vốn để tiến hành nhập cảng và phân phối sản phẩm. Nắm bắt được khó khăn này của chính quyền, giới ngân hàng của người Hoa đã chặn đứng sự vận chuyển tiền. Vì thế, Bộ Kinh tế đã giúp đỡ các nhà nhập cảng Việt bằng cách hoãn số tiền ký quỹ trước đó. Tổng số tiền ký quỹ trước đó là 500 triệu đồng đã có 130 triệu đồng được trả lại cho các nhà nhập cảng để tăng thêm vốn họ (30).

Năm 1972, tổng số tín dụng được cấp phát là 7,6 tỷ, trong số này có 4,3 tỷ (56%) được cấp phát cho xí nghiệp của người Hoa. Đến năm 1973, các xí nghiệp này được hưởng 9,6 tỷ trên tổng số 16,9 tỷ (57%). Trong 8 tháng đầu năm 1974, trên tổng số 20 tỷ có 11,5 tỷ (58%) được cấp phát cho các xí nghiệp này (31).

Hệ thống tín dụng song hành:

Trong lĩnh vực ngân hàng của người Hoa ở miền Nam Việt Nam phải kể đến hệ thống tín dụng song hành. Người Hoa đã có trên 100 năm kinh nghiệm với các nghiệp vụ tài chính và hối đoái ở Việt Nam. Họ đã dựa trên những kinh nghiệm để tạo nên một hệ thống tài chính bành trướng gấp bội so với ngân hàng. Tinh thần thủ tín của họ trở thành cha đẻ của mọi nghiệp vụ tín dụng không chính thức. Hàng hóa được thanh toán rất nhanh chóng và sòng phẳng bằng bút tệ và nhất là bằng những lời cam kết còn vững chắc hơn cả những ngân hàng đồ sộ ở miền Nam Việt Nam. Tổng số các nghiệp vụ dưới hình thức chìm này không thể thấp hơn 150 tỷ (trong số này có khoảng 100 tỷ để tài trợ việc thu mua lúa gạo), nghĩa là bằng 1/3 tổng số bạc lưu hành trong những năm trước. Tín dụng ngân hàng với tất cả những thủ tục kiểm soát và bảo đảm nặng nề không thể cạnh tranh nổi với hệ thống *ngoại ngân hàng* của người Hoa.

Hệ thống ngân hàng chỉ là mặt nổi và không thể so sánh được với hệ thống tín dụng song hành, có nhiều ảnh hưởng quan trọng hơn. Sức mạnh của người Hoa không nằm ở chỗ họ kiểm soát gần 80% lĩnh vực chế biến, nắm độc quyền thực tế trong lĩnh vực phân phối hay thụ hưởng phần lớn số tín dụng ngân hàng được cấp phát. Sức mạnh của họ là sự kết hợp và vận động quy mô tất cả những phương tiện nói trên để tạo nên một ảnh hưởng bao trùm nền kinh tế Việt Nam Cộng hòa.

Chính quyền Sài Gòn cũng có lúc phải dùng đến những biện pháp mạnh để dẹp bỏ sự lũng đoạn cũng như những “hoạt động chìm” của những tư bản người Hoa ở miền Nam Việt Nam. Ngày 7-3-1966, “Tòa án đặc biệt của Việt Nam Cộng hòa nhóm phiên đầu tiên xử vụ Tạ Vinh, Siu Hing, Hồng Văn Tuy, Ngụy Kinh (người Việt gốc Hoa) đầu cơ, bán quá giá, chuyển ngân, hối lộ công chức” (32) gây chấn động dư luận trong giới tư bản người Hoa ở miền Nam Việt Nam được giới chính khách cho rằng: “chỉ là nạn nhân của một biện pháp chính trị” (33). Sau đó, các vụ đầu cơ sắt, bán quá giá của người Hoa liên tiếp bị chính phủ Việt Nam Cộng hòa đưa ra tòa án đặc biệt.

Tất cả các biện pháp thanh trừng tư bản người Hoa đầu cơ, lũng đoạn thị trường của chính quyền Việt Nam Cộng hòa giai đoạn 1963-1975 cho thấy, chính quyền Sài Gòn quyết tâm giải bài toán “lũng đoạn kinh tế” miền Nam Việt Nam của người Hoa. Tuy vậy, trên lĩnh vực hoạt động kinh tế, người Hoa ở miền Nam Việt Nam giai đoạn 1963-1975 vẫn chi phối ngành nông nghiệp, họ độc quyền mua bán, chuyên chở và phân phối cho thị trường nhất là ở thị trường gạo, thị trường gạo ở miền Nam Việt Nam hoàn toàn nằm trong tay người Hoa; trong lĩnh vực phân phối, hoạt động thương mại chia làm 3 loại: bán lẻ, buôn xỉ và xuất

nhập cảng. Đặc biệt trong hoạt động xuất nhập cảng, họ môi giới giữa nhà sản xuất nội địa và nhà nhập cảng ngoại quốc vì có nhiều liên lạc rộng trên thế giới. Người Hoa là chủ sở hữu những cơ sở thương mại, hệ thống phân phối và thị trường rộng lớn từ những nhu yếu phẩm đến sản phẩm xa xỉ và cả một hệ thống thương trường quốc tế rải rác khắp nơi. Sức mạnh của họ nằm ở sự đoàn kết chặt chẽ trong các tổ chức kinh tế, thêm vào đó là số vốn khổng lồ lúc nào cũng có thể làm điên đảo thị trường.

Như vậy, dù chính quyền Sài Gòn ở giai đoạn 1955-1975 đã ban hành nhiều biện pháp nhằm hạn chế hoạt động thương mại của người Hoa, nhưng người Hoa ở miền Nam Việt Nam vẫn khẳng định được vị trí và vai trò của mình trong nền kinh tế Việt Nam Cộng hòa. Ý thức giành chủ quyền kinh tế từ ngoại kiều, đặc biệt từ tay người Hoa trong nền kinh tế Việt Nam Cộng hòa của chính quyền Việt Nam Cộng hòa đã không thực hiện được. Việc chính quyền này cho thi hành chính sách kinh tế đối với người Hoa ở miền Nam Việt Nam khiến cho tình hình kinh tế miền Nam Việt Nam xảy ra sự hỗn loạn, đình đốn, đồng tiền Việt Nam Cộng hòa mất giá... Điều này càng khiến cho nền kinh tế Việt Nam Cộng hòa phải phụ thuộc vào ngoại viện Hoa Kỳ hơn, nhất là ở giai đoạn 1963-1975, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu được mệnh danh là một tín đồ "nghiện" viện trợ từ Hoa Kỳ. Tình hình trên khiến cho chính quyền Việt Nam Cộng hòa càng lúc càng lộ rõ bộ mặt phụ thuộc vào Hoa Kỳ, để đi đến kết cục là Mỹ càng lúc càng có cơ hội chi phối nội tình của Việt Nam Cộng hòa.

3. Kết luận

Từ những cứ liệu đã trình bày, có thể xác định, có 2 lý do khiến chính quyền Việt Nam Cộng hòa ban hành những biện pháp nhằm quản lý cộng đồng người

Hoa trên lĩnh vực kinh tế. *Thứ nhất*, do vai trò trội yếu của người Hoa đối với nền kinh tế miền Nam Việt Nam. Lý do *thứ hai*, các biện pháp về kinh tế nhằm hỗ trợ cho biện pháp chính trị. Sử dụng biện pháp kinh tế đối với người Hoa là chính quyền Việt Nam Cộng hòa tấn công vào khối người Hoa sinh tại Việt Nam còn do dự không chịu nhập quốc tịch. Chính quyền Việt Nam Cộng hòa nhắm vào điểm then chốt của người Hoa ở miền Nam Việt Nam là vấn đề lợi ích kinh tế của họ. Nếu việc nhập quốc tịch đảm bảo cho lợi ích của họ, người Hoa ở miền Nam Việt Nam sẽ khai nhận quốc tịch. Vì nếu trở về Đài Loan, thì đồng nghĩa với việc mất hết cơ sở kinh tế đã bao đời xây dựng tại Việt Nam; không chịu nhập quốc tịch, với thân phận ngoại kiều thì bị cấm hành nghề. Cho nên, với biện pháp kinh tế đã hỗ trợ cho biện pháp chính trị (quốc tịch hóa người Hoa). Người Hoa ở miền Nam Việt Nam buộc phải nhập quốc tịch theo chủ trương và tiến trình mà chính quyền Việt Nam Cộng hòa đã hoạch định.

Các biện pháp của chính quyền Việt Nam Cộng hòa đưa ra ở lĩnh vực kinh tế nhằm xóa bỏ các tổ chức kinh tế và quản lý hoạt động kinh tế của người Hoa ở miền Nam Việt Nam. Ở lĩnh vực này, chính quyền Việt Nam Cộng hòa chủ yếu dùng luật pháp buộc người Hoa phải tuân thủ. Các tổ chức kinh tế của người Hoa bị xóa bỏ trong giai đoạn 1955-1975 là: Phòng thương mại Hoa kiều, Quỹ bù trừ. Các hoạt động kinh tế chủ yếu như kinh doanh bất động sản, 11 nghề mà người Hoa tỏ ra có ưu thế vượt trội đều bị cấm hoạt động trên toàn miền Nam Việt Nam.

Tuy nhiên, người Hoa ở miền Nam Việt Nam vẫn giữ ảnh hưởng bao trùm, chỉ một nhóm nhỏ tư sản người Hoa kiểm soát đa số các cơ sở kinh tế của miền Nam Việt Nam và giữ vai trò chi phối sản xuất, họ

làm chủ hoàn toàn và trực tiếp điều khiển cơ sở sản xuất. Họ kiểm soát những ngành sản xuất, những sản phẩm đáp ứng nhu cầu của đại đa số dân chúng. Tất cả những loại nhu yếu phẩm thông dụng như: gạo, sữa, dầu ăn, vải, bột mì, bột ngọt, nếu là những sản phẩm chế biến bằng nguyên liệu nội địa, hệ thống thu mua của họ tạo ảnh hưởng đến nhịp độ sản xuất. Nếu là những sản phẩm chế biến từ nguyên liệu nhập cảng, hệ thống nhập cảng của họ kiểm soát đến 90% nguồn cung cấp nguyên liệu và kiểm soát luôn nhịp độ sản xuất trong nước. Người Hoa ở miền Nam Việt Nam vẫn tiếp tục thao túng thị trường. Lĩnh vực mà người Hoa khuynh đảo nhất là lĩnh vực thu mua và phân phối. Người Hoa kiểm soát hầu như toàn bộ hệ thống chuyển vận hàng hóa, họ làm chủ hoàn toàn thị trường tiêu thụ miền Nam Việt Nam. Từ những ưu thế trên, người Hoa ở miền Nam Việt Nam có thể lũng đoạn giá cả, quyết định về giá cả hàng hóa ngay tận gốc, nghĩa là ở giai đoạn sản xuất, bằng cách tạo ra sự khan hiếm nhập lượng sản xuất. Giá vốn sản xuất bị ảnh hưởng nặng nề mỗi khi nguyên vật liệu trở nên khan hiếm. Người Hoa cũng có thể quyết định về giá ở giai đoạn phân phối. Họ lãnh đạo, chi phối nền kinh tế miền Nam Việt Nam một cách dứt khoát, mãnh liệt.

Chính quyền Việt Nam Cộng hòa cố gắng đi tìm sự độc lập kinh tế, muốn thoát khỏi sự lệ thuộc kinh tế khỏi ngoại kiều (chủ yếu là Hoa kiều) thì lại lấn sâu vào một sự lệ thuộc khác, lệ thuộc vào ngoại viện của Mỹ. Khác với hầu hết các quốc gia Đông Nam Á khác, lực lượng Hoa kiều ở miền Nam Việt Nam là một lực lượng mà chính quyền Việt Nam Cộng hòa phải tranh thủ, vận động, lôi kéo về phía mình. Mục đích của chính quyền Việt Nam Cộng hòa rất rõ ràng: Hoa kiều nào muốn tiếp

tục hành những nghề bị cấm thì phải nhập quốc tịch. Tuy nhiên, trong thực tế, chính phủ Việt Nam Cộng hòa chưa kịp tổ chức thị trường cùng các ngành sản xuất. Các thương gia, kỹ nghệ gia là người Việt chưa có đủ phương tiện tài chính, chuyên môn và nhất là các đoàn thể doanh nghiệp đủ tư cách nhận trách nhiệm cung cấp, điều hòa cho thị trường tiêu thụ Việt Nam.

Chính những biện pháp kinh tế của chính quyền Việt Nam Cộng hòa áp dụng lên cộng đồng người Hoa ở miền Nam Việt Nam trên lĩnh vực kinh tế là một trong những nguyên nhân dẫn đến những bất ổn cho chính quyền Việt Nam Cộng hòa giai đoạn 1955-1975 ở miền Nam Việt Nam. Theo tờ *Le Monde* ngày 8-6-1957 bàn luận về chính sách của chính quyền Ngô Đình Diệm đối với người Hoa đã “đẩy người Hoa sinh sống tại Việt Nam hướng về Bắc Kinh và gây ra những nguy cơ về sự ổn định cần có cho chế độ của ông Diệm” (34). Chính quyền Việt Nam Cộng hòa chỉ quan tâm đến sự hợp tác với Pháp kiều là một việc hết sức sai lầm, Hoa kiều mới chính là đối tượng mà chính phủ Việt Nam Cộng hòa cần phải hợp tác nhất, vì sự kiểm soát của họ đối với nền kinh tế Việt Nam Cộng hòa. Sự hợp tác Việt - Hoa không chỉ diễn ra trên lĩnh vực văn hóa - xã hội, mà sự hợp tác này phải đặc biệt được diễn ra trên lĩnh vực kinh tế tài chính. Lẽ ra, chính quyền Việt Nam Cộng hòa nên vận động để Hoa kiều tích cực hợp tác trong lĩnh vực kinh tế hơn là thi hành việc cấm một số nghề, nhất là trong bối cảnh chính quyền phải ứng phó với nhiều vấn đề hệ trọng. Việc thi hành một số biện pháp cấm ngoại kiều (chủ yếu là Hoa kiều) hành nghề của chính quyền Việt Nam Cộng hòa đã đẩy khối người Hoa bất mãn chống lại chính quyền Việt Nam Cộng hòa.

CHÚ THÍCH

(1), (2). *Hồ sơ về việc liệt kê các việc trình Tổng thống về việc đề nghị giải tán Phòng thương mại Hoa kiều năm 1963*, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, Phòng Phủ Tổng thống-Đệ Nhất Cộng hòa, hồ sơ số 3293, tr. 12-15.

(3). *Hồ sơ về việc giải tán các Lý sự hội quán Trung Hoa và các Bang á kiều khác tại Việt Nam năm 1960-1966*, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, Phòng Phủ Tổng thống-Đệ Nhất Cộng hòa, hồ sơ số 5179, tr. 27.

(4). *Hồ sơ về Quỹ bù trừ Huê kiều*, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, Phòng Phủ Tổng thống-Đệ Nhất Cộng hòa, hồ sơ số 11963, tr. 5.

(5). *Hồ sơ quyền sở hữu bất động sản của người Trung Hoa tại Việt Nam năm 1955*, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, Phòng Phủ Thủ tướng, hồ sơ số 21362, 201 tr. 17.

(6). *Công văn số 489-TTP/TTK ngày 13-5-1957 của Phủ Tổng thống về việc Hoa kiều sinh tại Việt Nam biểu tình phản đối không chịu nhập tịch năm 1956*, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, Phòng Phủ Tổng thống-Đệ Nhất Cộng hòa, hồ sơ số 4988, tr. 3.

(7). *Tài liệu của Bộ Kinh tế về việc bổ khuyết Dự số 26 ngày 20-4-1956 buộc các ngoại kiều mua bất động sản phải xin phép trước năm 1956-1959*, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, Phòng Phủ Tổng thống-Đệ Nhất Cộng hòa, hồ sơ số 12690, tr. 18.

(8). *Tài liệu Hoa kiều xin mua bất động sản năm 1956-1958*, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, Phòng Phủ Tổng thống-Đệ Nhất Cộng hòa, hồ sơ số 10674, tr. 14-19.

(9), (21). *Hồ sơ về việc quy định những nghề nghiệp mà các ngoại kiều không được hoạt động ở VNCH năm 1956-1957*, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, Phòng Phủ Tổng thống-Đệ Nhất Cộng hòa, hồ sơ số 10135, tr. 5, tr. 13.

(10). *Tập bản tin, báo cắt nước ngoài về người Hoa sống ở Việt Nam năm 1957-1959*, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, Phòng Phủ Tổng thống-Đệ Nhất Cộng hòa, hồ sơ số 18295, tr. 7.

(11), (12), (13). *Tập tài liệu của Văn phòng Phó Tổng thống, Nha Trung Hoa Sự Vụ về nguyện vọng kinh tế và thi hành chính sách kinh tế đối với Hoa kiều 1956-1959*, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II,

Phòng Phủ Tổng thống-Đệ Nhất Cộng hòa, hồ sơ số 11963, tr. 4, tr. 11, tr. 21.

(14) (15). *Hồ sơ về việc soạn thảo và họp bàn một số chính sách đối với người Việt gốc Hoa và Hoa kiều tại Việt Nam năm 1968-1969*, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, Phòng Phủ Tổng thống-Đệ Nhất Cộng hòa, hồ sơ số 16602, tr. 3, tr. 9.

(16). *Tài liệu của Văn phòng Phó Tổng thống, Nha Trung Hoa Sự Vụ về nguyện vọng và thi hành chính sách kinh tế đối với Hoa kiều năm 1956-1959*, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, Phòng Phủ Tổng thống-Đệ Nhất Cộng hòa, hồ sơ số 11963, tr. 13.

(17), (18), (19), (20). *Tập bản tin, báo cắt nước ngoài về người Hoa sống ở Việt Nam năm 1957-1959*, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, Phòng Phủ Tổng thống-Đệ Nhất Cộng hòa, hồ sơ số 18295, tr. 3, tr. 18, tr. 24, tr. 29.

(22), (23). Nguyễn Văn Sang, “Người Việt gốc Hoa và nền kinh tế Việt Nam”, *Luận văn Cao học Học viện Quốc gia hành chính*, Sài Gòn, 1972, tr. 17, tr. 42.

(24), (25). Trương Hoàng Tấn, “Vai trò Hoa kiều trong nền kinh tế Việt Nam”, *Luận văn Cao học Học viện Quốc gia hành chính*, Sài Gòn, 1969, tr. 13, tr. 44.

(26), (27). Châu Thành Tích, “Vấn đề người Hoa kiều tại Việt Nam”, *Luận văn Cao học Học viện Quốc gia Hành chính*, Ban Cao học khóa 4, Sài Gòn, 1972, tr. 26, tr. 39.

(28), (29). Trần Thanh Long “Sự đóng góp của người Việt gốc Hoa trong sinh hoạt xã hội Việt Nam”, *Luận văn Cao học Học viện Quốc gia Hành chính*, Sài Gòn, 1969, tr. 29, tr. 45.

(30), (31). Lưu Trường Khương, “Vấn đề Hoa kiều tại Việt Nam”, *Luận văn tốt nghiệp Ban cao học Hành chính Sài Gòn khóa 1966 - 1968*, Học viện Quốc gia Hành chính, Sài Gòn, 1968, tr. 27, tr. 44.

(32), (34). *Hồ sơ về Tư sản mại bản người Hoa*, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, Phòng Phủ Tổng thống-Đệ Nhất Cộng hòa, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, hồ sơ số 15846, tr. 22.

(33). Đoàn Thêm, *Việc từng ngày-năm 1966*. Sài Gòn, Nxb. Phạm Quang Khai, 1968. Sài Gòn, tr. 43.